

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 6 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Phát triển kinh tế số**

###### **a) Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025**

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong các hoạt động về tài chính đạt 90%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh đạt 60%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

###### **b) Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030**

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong các hoạt động về tài chính đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh đạt 80%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

##### **2. Phát triển xã hội số**

###### **a) Mục tiêu đến năm 2025**

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

#### b) Mục tiêu đến năm 2030

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.

## II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

### 1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

#### 1.1. Hoàn thiện hệ thống thể chế

- rà soát, xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực.

- Nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sand box) đối với các dịch vụ số mới, mô hình kinh doanh kinh tế số mới chưa được pháp luật quy định rõ ràng.

- Rà soát, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật để thực hiện chống độc quyền, chống mua bán, sáp nhập làm ảnh hưởng tới cạnh tranh lành mạnh trong kinh tế số; tăng cường quy định để tránh các doanh nghiệp chi phối lạm dụng; tổ chức giám sát thực thi pháp luật bảo đảm nguyên tắc thực thi công bằng, trách nhiệm như nhau trước pháp luật đối với cả doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam.

- Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, pháp luật cho kinh tế số và xã hội số; quy định quản lý và phát triển kinh tế số nền tảng, hoạt động của các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến.

### 1.2. Hạ tầng số

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: Hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số cho người dân, phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, bản, khu vực dân sinh trên địa bàn; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

### 1.3. Nền tảng số

- Đẩy mạnh phát triển các nền tảng có khả năng kết nối liên thông, liên kết, tạo sức mạnh tổng thể phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh và mang lại hiệu quả triển khai, tránh trùng lặp, rời rạc.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số quốc gia; tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nền tảng số quốc gia để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân biết và sử dụng.

- Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nền tảng số, xác định nền tảng số dùng chung trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

### 1.4. Dữ liệu số

- Nghiên cứu, phối hợp rà soát, sửa đổi, ban hành các quy định, chính sách về tài sản dữ liệu, mua bán dữ liệu, dịch vụ dữ liệu để tạo thị trường dữ liệu phát triển lành mạnh, an toàn, tuân thủ pháp luật.

- Đẩy mạnh cung cấp, kết nối chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Xây dựng và ứng dụng dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: Nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch. Bảo đảm dữ liệu được

tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh, kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

#### 1.5. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

- Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho các trang, cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng và các hệ thống thông tin khác đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.

- Triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn và có giá sử dụng chữ ký phù hợp thu nhập của người dân.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế số, xã hội số.

#### 1.6. Nhân lực số

- Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp; tổ chức các chương trình thực tập ngắn hạn, thường xuyên để tăng cơ hội tiếp xúc nghề nghiệp cho sinh viên từ đó định hướng tốt hơn cho công việc tương lai và bổ sung nguồn lực kỹ thuật cho các doanh nghiệp. Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy học từ làm việc thực tế, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotic để triển khai.

- Xây dựng và định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về nhu cầu thị trường nhân lực và tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế, giới thiệu một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới.

- Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng quản lý nội dung học tập, nền tảng quản lý học tập quốc gia dùng chung cho các cơ sở đào tạo tại các cấp phổ thông; xây dựng và chuẩn hóa học liệu số, giúp giáo viên dành được nhiều thời gian tương tác với học sinh, cải thiện chất lượng tiết học.

- Các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học ở các lĩnh vực ngành, nghề mở thêm chuyên ngành đào tạo về chuyên đổi số, kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực ngành, nghề của mình.

### 1.7. Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

- Triển khai Nền tảng sát hạch trực tuyến đánh giá, đo lường kỹ năng số cho từng đối tượng lao động, công chức, viên chức, sinh viên, học sinh phù hợp chuẩn kỹ năng số quốc gia.

- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyên đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.

- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số, và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

- Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Ứng dụng nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội.

### 1.8. Doanh nghiệp số

- Đẩy mạnh triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số: xây dựng và vận hành công thông tin hỗ trợ; đánh giá, lựa chọn, công bố các nền tảng số xuất sắc cho chuyển đổi số doanh nghiệp; khảo sát, phân nhóm các doanh nghiệp theo ngành nghề, lĩnh vực và quy mô; xây dựng các tài liệu đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi số; triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp; triển khai các chiến dịch truyền thông.

- Phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp đầu ngành trong chuyển đổi số, phát triển và nhân rộng nền tảng số ngành, tạo hệ sinh thái số trong các ngành, lĩnh vực.

- Triển khai xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp phục vụ cho các doanh nghiệp, kết quả đánh giá chỉ số mức độ chuyển đổi số là thước đo về hiệu quả của các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực tăng mức độ chuyển đổi số.

- Xây dựng và triển khai hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyên phát và logistic chuyển đổi số; hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nền tảng thương mại số nông nghiệp, nền tảng trí tuệ nhân tạo, nền tảng trợ lý ảo, nền tảng thiết bị IoT,...

### 1.9. Thanh toán số

- Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

- Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile-Money, tập trung ưu tiên ở các vùng, miền có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp. Hướng dẫn, triển khai Chương trình hỗ trợ cơ sở y tế, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị.

## 2. Phát triển kinh tế số và xã hội số trong các ngành, lĩnh vực trọng tâm

### 2.1. Nông nghiệp và nông thôn

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp.

- Triển khai nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho nông dân.

- Triển khai nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

- Tổ chức triển khai mô hình làng chuyên đổi số, xã chuyên đổi số, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức số cho người nông dân, ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sản phẩm dịch vụ điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng.

### 2.2. Y tế

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực y tế.

- Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa kết nối bệnh viện với bệnh viện, bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới, từ trung ương tới cơ sở, giúp giảm tải các cơ sở y tế, khám, chữa bệnh kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiên tiến không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; triển khai nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân.

- Triển khai nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, chẩn đoán đề xuất liệu trình phù hợp. Phát triển nền tảng số về an toàn thực phẩm và nền tảng số quản lý môi trường y tế.

- Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về y tế số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành y tế.

### 2.3. Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Triển khai nền tảng dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên, từ đó, hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số, bảo đảm chất lượng cho việc kiểm tra đánh giá trực tuyến.

### 2.4. Lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội.

- Khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

- Triển khai nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội; người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- Hình thành nền tảng hợp đồng lao động điện tử và thúc đẩy người lao động và tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử. Xây dựng và tổ chức triển khai sổ lao động điện tử cho người lao động.

### 2.5. Thương mại, công nghiệp và năng lượng

- Tập trung triển khai các Chương trình, Kế hoạch của tỉnh đã ban hành; xây dựng chính sách đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, gắn với phát triển dịch vụ logistics. Trong đó ưu tiên hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp logistics ứng dụng công nghệ số quản lý kho bãi và vận hành chuỗi hoạt động logistics.

- Tăng cường phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số – Bộ Công Thương thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia trên địa bàn tỉnh. Huy động nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh ứng dụng thương mại điện tử trong quản lý, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh đăng ký tham gia các Chương trình do Bộ Công Thương phát động như “gian hàng Việt trực tuyến”, “Online Friday”... Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường trực tuyến như: Hội chợ, triển lãm; hội nghị kết nối cung - cầu... .

- Khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người tiêu dùng tiếp cận, khai thác ứng dụng các nền tảng thương mại điện tử, ngân hàng điện tử, thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt.

- Phát triển nguồn nhân lực về thương mại điện tử: Đào tạo, tập huấn, chuyên đề, hội thảo nhằm phổ biến cho mọi đối tượng người dân và mọi thành phần kinh tế các kiến thức cơ bản về Internet, thương mại điện tử, an toàn an ninh mạng; triển khai ứng dụng hiệu quả mô hình quản lý các sản phẩm giao dịch thương mại điện tử, các website bán hàng trên nền tảng số, các hoạt động giao dịch thương mại thông qua các trang diễn đàn, mạng xã hội (facebook, zalo...).

## 2.6. Du lịch

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch.

- Tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch; chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch. Điều tra, đánh giá, phân loại và số hóa tài nguyên du lịch, cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch.

- Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch; ứng dụng công nghệ hiện đại vào phát triển các phần mềm, tiện ích thông minh hỗ trợ công tác quản lý và phục vụ khách du lịch.

## 2.7. Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai, bản đồ số bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin, hình thành các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, khai thác hiệu quả hệ sinh thái số về tài nguyên và môi trường, đóng góp các nền tảng số cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

## 2.8. Các ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực, địa phương; Nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

## III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Tổ chức, bộ máy



- Tổ chức hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo chuyên đổi số tỉnh; các Sở, ngành, địa phương.

- Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khối phố, thôn, bản với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm, Đoàn thanh niên và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên toàn tỉnh.

- Bảo đảm tổ chức, bộ máy, chức năng nhiệm vụ đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, phát huy vai trò của các bên trong phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Tổ chức, phân công các đơn vị là đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm triển khai trong thực hiện Chiến lược quốc gia, Kế hoạch của tỉnh phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

## 2. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ trung ương đến cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số. Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm mô hình kinh doanh số, kinh tế số tiêu biểu, các giải pháp dùng công nghệ số để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.

## 3. Hợp tác trong nước

- Hợp tác giữa các cơ quan Trung ương và từng sở, ngành liên quan, phối hợp hành động cụ thể theo từng năm để triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia và phát triển nguồn nhân lực số trong từng ngành, lĩnh vực.

- Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

## 4. Hợp tác quốc tế

- Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số phù hợp.

- Chủ động, tích cực tham gia hoạt động với các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về kinh tế số, xã hội số, xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích, hài hòa hóa tiêu chuẩn, thúc đẩy thương mại số, nâng cao năng lực số và thu hẹp khoảng cách số, khuyến khích hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số và bảo vệ người tiêu dùng.

- Thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết quốc tế liên quan đến kinh tế số, thương mại số và đặc biệt là trong xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.

## 5. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới

- Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ bản sao số, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường, dữ liệu lớn, kết hợp với các công nghệ mở, mã nguồn mở để phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Tổ chức tìm kiếm, có chính sách hấp dẫn để chiêu mộ những chuyên gia về công nghệ số mới, công nghệ lõi, nền tảng số ở trong nước và nước ngoài về Ninh Bình nghiên cứu phát triển, đầu tư kinh doanh. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo về kinh tế số, đặc biệt là kinh tế số nền tảng và kinh doanh trực tuyến.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp.

- Xây dựng các khu nghiên cứu phát triển, thử nghiệm, ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp phát triển kinh tế số: hỗ trợ thử nghiệm các mô hình kinh doanh mới, ươm tạo, khởi nghiệp về kinh tế số; hình thành các trung tâm xúc tiến chuyển đổi số tại các khu công nghiệp; thí điểm áp dụng các mô hình doanh nghiệp công nghệ chuyên ngành tham gia cung cấp các dịch vụ chuyên môn các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo; khảo sát, lập danh mục các doanh nghiệp có mô hình ngành nghề mới dựa trên ứng dụng và phát triển công nghệ số để tháo gỡ vướng mắc, hỗ trợ phát triển.

- Đầu tư nghiên cứu, xây dựng và chuyển giao các mô hình kinh doanh mới, mô hình mẫu về chuyển đổi số, kinh tế số; xây dựng các doanh nghiệp chuyển đổi số điển hình, các mô hình mẫu, ứng dụng mẫu chuyển đổi số phù hợp đặc trưng của từng ngành, lĩnh vực, địa phương; thúc đẩy các doanh nghiệp đầu ngành, doanh nghiệp hạt nhân đầu tư nghiên cứu, xây dựng các nền tảng số chuyên ngành, hỗ trợ chuyển giao cho các đối tác cùng ứng dụng, kết nối, chia sẻ, dẫn dắt chuyển đổi số chuỗi cung ứng, đưa chuỗi ngành nghề lên tầm cao mới; phối hợp đa ngành giữa doanh nghiệp đầu ngành, doanh nghiệp nền tảng, doanh nghiệp công nghệ tài chính để thiết lập nền tảng chuyển đổi số, kiến tạo hệ sinh thái mới.

#### 6. Đo lường, giám sát triển khai

- Định kỳ cập nhật các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số phù hợp thực tế phát triển, đảm bảo hệ thống chỉ tiêu thống kê đo lường kinh tế số, xã hội số thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này ở cấp độ tỉnh và cấp độ huyện, thành phố.

#### 7. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số

- Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở từng địa phương; trong đó, trọng tâm là đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với các ngành, nghề và triển vọng việc làm để đưa ra phương án chuyển đổi phù hợp với chiến lược phát triển của địa phương. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi cho các đối tượng chịu nhiều tác động, có khả năng bị thay thế bởi máy móc nhất. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phát triển các Trung tâm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số.

Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo phát triển trợ lý ảo để hỗ trợ người dân 24/7 mọi lúc, mọi nơi.

- Phát triển các ứng dụng, nền tảng số đơn giản, dễ sử dụng để hỗ trợ người dân tự kiểm soát được hoạt động và mức độ sử dụng công nghệ; ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo vào tự động kiểm soát truy cập và chặn lọc các trang web, tài nguyên Internet độc hại hướng tới một không gian số an toàn, lành mạnh cho người dân.

- Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch được giao cho các sở, ban, ngành chủ trì và các hoạt động chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi Kế hoạch được giao cho các địa phương chủ trì. Trong đó:

- Nguồn kinh phí đầu tư chi để thực hiện các nhiệm vụ, dự án: đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin, nền tảng số, mua sắm phần cứng, phần mềm, công nghệ, trang thiết bị và xây dựng các cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Nguồn kinh phí thường xuyên chi để thực hiện chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ: nghiên cứu, xây dựng thể chế, chính sách; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; điều tra, khảo sát, thống kê, đo lường, đánh giá chỉ số phát triển, ảnh hưởng tác động; thuê, mua sử dụng, thúc đẩy phát triển các nền tảng số; tạo lập, cập nhật, lưu trữ và chia sẻ, sử dụng dữ liệu số; đảm bảo an toàn thông tin mạng; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực số, kỹ năng số, công dân số, văn hóa số; hỗ trợ, tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp; thông tin, tuyên truyền; duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số; các nhiệm vụ khác thuộc Kế hoạch có tính chất chi thường xuyên. Khuyến khích, ưu tiên sử dụng nguồn chi thường xuyên thuê, mua sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số, hệ thống thông tin thay vì đầu tư xây dựng.

3. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của mình để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao thuộc Kế hoạch này. Các đơn vị có nguồn kinh phí được để lại theo quy định ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện Kế hoạch phù hợp quy định của pháp luật.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 (*ban hành kèm theo Kế hoạch này*) và các yêu cầu, nhiệm vụ sau:

##### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, đôn đốc, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, nền tảng số và kinh tế nền tảng; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Năm 2023 tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch, đề xuất xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu và bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết) và tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch vào năm 2025.

- Tham mưu UBND tỉnh phối hợp với các bộ, ngành và tổ chức liên quan thực hiện các nhiệm vụ theo Chiến lược quốc gia.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các địa phương và tổ chức, doanh nghiệp liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch; ban hành và định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung Danh mục các nền tảng số ưu tiên tập trung phát triển; thúc đẩy sử dụng các nền tảng số quốc gia; phối hợp lựa chọn các tổ chức, doanh nghiệp phát triển các nền tảng số kể cả nền tảng số chuyên ngành.

- Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ tham gia phát triển nền tảng số: Nền tảng điện toán đám mây; nền tảng địa chỉ số; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; nền tảng hợp trực tuyến thế hệ mới; nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (MOOCS); nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân; nền tảng trí tuệ nhân tạo; nền tảng thiết bị IoT; nền tảng mạng xã hội thế hệ mới; nền tảng quản trị tổng thể; nền tảng kế toán dịch vụ; nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC); nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC); nền tảng trợ lý ảo; nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng...

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại các Phụ lục kèm theo và các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Tổng hợp, bố trí vốn chi đầu tư phát triển hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Kế hoạch.

## **3. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách tỉnh để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

## **4. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội**

Phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Kế hoạch này. Hội, hiệp hội xã hội nghề nghiệp chủ động, tích cực trong việc tham mưu, phản biện chính sách, pháp luật; phát động hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tham gia cùng Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; tích cực tham gia cung cấp yêu cầu đầu vào để hỗ trợ xây dựng các nền tảng số; khuyến khích các doanh nghiệp thành viên tham gia kết nối, sử dụng các nền tảng số trong các hoạt động.

## **5. Đề nghị Tỉnh đoàn**

Chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyên đổi số do Sở Thông tin và Truyền thông điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số. Hỗ trợ các địa phương thành lập, hướng dẫn, duy trì hoạt động các tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó lấy lực lượng Đoàn thanh niên làm nòng cốt.

## **6. Đề nghị Liên đoàn Lao động Tỉnh, Hội Nông dân Tỉnh, Liên minh Hợp tác xã**

Xây dựng kế hoạch hành động và chỉ đạo hệ thống tổ chức thành viên chủ động tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh.

## **7. Báo Ninh Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**

Chủ trì, chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và nhân dân về nội dung Kế hoạch này một cách thường xuyên, định kỳ hàng ngày, hàng tuần.

## **8. Các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh**

- Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp bưu chính ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp trong toàn tỉnh đáp ứng yêu cầu bùng nổ của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, tham gia hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

- Các doanh nghiệp chủ động tích cực tham gia triển khai Kế hoạch này; phát huy vai trò phát triển và triển khai các nền tảng, giải pháp phát triển kinh tế số và xã hội số, hình thành các hệ sinh thái số, thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực mình hoạt động; tích cực, tiên phong đầu tư phát triển các nền tảng số; huy động, tập hợp các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghệ số cùng tham gia phát triển hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Các doanh nghiệp tích cực chuyển đổi số, phát triển các nền tảng số; chuyển đổi thành các doanh nghiệp công nghệ số, hình thành hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ số xung quanh mảng kinh doanh lõi, giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng hệ sinh thái nội dung hấp dẫn, lành mạnh để tạo thói quen trực tuyến cho người dân.

- Các doanh nghiệp công nghệ số phối hợp với đầu mối các sở, ngành, các trường đại học, cao đẳng xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng chuyên ngành công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng theo hướng kết hợp giữa lý thuyết - thực tế; sẵn sàng triển khai các chương trình “Đào tạo từ làm việc thực tế”, đón sinh viên cao đẳng, đại học vào thực tập và tiếp xúc sớm với môi trường doanh nghiệp.

## **9. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố**

Theo chức năng quản lý nhà nước; các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương liên quan xây dựng Kế hoạch để triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Hoàn thành và gửi Kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông **trước ngày 02/7/2022** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Hàng năm, lập Kế hoạch để cụ thể hoá triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch này gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Định kỳ trước ngày 25 của tháng cuối hàng quý, 6 tháng (trước ngày 25/6), hàng năm (trước ngày 15/12) báo cáo kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc, đề xuất phương án giải quyết về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để được xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh;
- MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Bureau điện tỉnh, VNPT, Viettel Ninh Bình;
- Đài PTTH, Báo Ninh Bình, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các Trung tâm, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP6.

HP\_VP6\_04.KH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tổng Quang Thìn**